

HOA NÔNG NƠI CHỖ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nỗ tuổi :Mau giao
Tong số tre :314

Sang : Bánh mì ọp la nồc măm
NT: Hu títu thòt nam mỗp ca rot
Sổa grow
Trổa : Côm bọ kho ca rot củi cái trằng
Canh rau muong tom kho thòt heo nạc
Mon xao: nầu nầu
Xe: sổa grow
Xe chieu: Núi thòt nam mỗp ca rot su su

Số Tiền Trên Mọi Tre 37022				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHỖ			
1	Rạm (mười)	2,000	1,060	21,200
2	Tom kho	200	87,560	175,120
3	Nồc măm Ca (loại 1)	4,000	6,820	272,800
4	Dầu thảo mộc	4,000	6,280	251,200
5	Nông cat	3,000	3,880	116,400
6	Dầu mè	1,000	4,200	42,000
7	Gạo tẻ may	15,000	2,630	394,500
8	Hu títu	2,500	1,820	45,500
9	Hạnh lả	1,500	5,360	80,400
10	Hạnh củi rôi	1,000	6,300	63,000
11	Ca rot	7,000	5,570	389,900
12	Nam rôm	1,000	14,180	141,800
13	Mỗp	3,000	4,200	126,000
14	Củ cái trằng	2,000	3,150	63,000
15	Rau muong	6,500	3,470	225,550
16	Su su	1,000	3,360	33,600
17	Nầu củi (tôi)	3,500	6,720	235,200
18	Bánh mì lát	13,500	5,000	675,000
19	Núi	8,500	3,520	299,200
20	Thòt lòn nạc	7,000	18,900	1,323,000
21	Thòt bọ loại 1	9,000	37,910	3,411,900
22	Trồng gà toàn phần	13,500	4,400	594,000
Cong				8,980,270
	*XUẤT KHO			
23	Sổa bọt Abbot Grow	12,900	20,500	2,644,500
Cong				2,644,500
Tong tiền thức phẩm				11,624,770 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nồc chi trong ngày				11618000(đ)
Số đồ nầu ngay				0(đ)
Số đồ cuoi ngay				-6770(đ)
Xuất ăn luy ke tồ nầu thang				
Tieu chuan luy ke tồ nầu thang				
Tiền chi luy ke tồ nầu thang				